

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Thái –
Xuân Hương - Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 29/5/2025 của HĐND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 81/TTr-SXD ngày 19/6/2025 kèm theo Báo cáo số 174/BC-SXD ngày 19/6/2025; Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 31/TTr-KCN ngày 10/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Thái - Xuân Hương - Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000), với các nội dung chính như sau:

1. Ranh giới và phạm vi quy hoạch

a) Vị trí: Phạm vi ranh giới lập Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Thái – Xuân Hương – Tân Dĩnh, tỷ lệ 1/2.000 thuộc địa giới hành chính xã Mỹ Thái, xã Xuân Hương và xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Tây Bắc: Giáp đường huyện Xuân Hương - Mỹ Thái;
- Phía Đông Nam: Giáp đường quy hoạch mới và khu dân cư Liên Sơn;
- Phía Đông Bắc: Giáp đường quy hoạch Vành đai 5;
- Phía Tây: Giáp dân cư thôn Gai, khu đô thị Xuân Hương - Tân Dĩnh.

b) Quy mô đồ án:

- Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 197,36ha; Trong đó:
+ Diện tích đất khu công nghiệp là 196,19ha;
+ Diện tích đất nghĩa trang của nhân dân là 1,17ha.
- Quy mô lao động trong khu vực lập quy hoạch khoảng 20.800 người.

2. Tính chất

Khu công nghiệp Mỹ Thái - Xuân Hương - Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang được định hướng là KCN đa ngành, ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp có công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường; ưu tiên thu hút các lĩnh vực ngành nghề sản xuất như: Sản xuất, chế tạo thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, các sản phẩm từ công nghệ, kỹ thuật cao phục vụ các ngành điện tử, công nghệ thông tin; Cơ khí, chế tạo máy, chế tạo khuôn mẫu; Sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, vaccine, thiết bị y tế; Sản xuất thực phẩm, trái cây; Sản xuất các loại hàng hóa khác đảm bảo tiêu chí dây chuyền sản xuất ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao.

3. Quy hoạch sử dụng đất

a) Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất dịch vụ, tiện ích công cộng	DV	18,87	9,62
1.1	Đất dịch vụ, tiện ích công cộng 1	DV.1	4,36	
1.2	Đất dịch vụ, tiện ích công cộng 2	DV.2	1,36	
1.3	Đất dịch vụ, tiện ích công cộng 3	DV.3	13,15	
a	Đất xây dựng trụ sở cho lực lượng Công an		2,50	
b	Đất dịch vụ, tiện ích công cộng khác		10,65	
2	Đất nhà máy sản xuất	CN	107,19	54,64
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	3,87	1,97
3.1	Đất hạ tầng kỹ thuật-Trạm xử lý cấp nước-pccc	HTKT.1	1,05	
3.2	Đất hạ tầng kỹ thuật-Trạm xử lý nước thải	HTKT.2	1,21	
3.3	Đất hạ tầng kỹ thuật-Trạm điện 110kVA	HTKT.3	0,78	
3.4	Hồ sự cố	H	0,83	
4	Đất cây xanh, thể dục thể thao, cây xanh cách ly, mặt nước		26,41	13,46
4.1	Đất cây xanh, thể dục thể thao, cây xanh cách ly	CX, CXTT	20,72	10,56
4.2	Đất mặt nước	MN	5,69	2,90
5	Đất giao thông		39,85	20,30
5.1	Đất bãi đỗ xe	P	4,58	2,33
5.2	Đường giao thông		35,27	17,97
	Giao thông đô thị (VD2+QHV)		10,77	5,49
	Giao thông khu công nghiệp		24,50	12,48
A	Tổng diện tích khu công nghiệp		196,19	100,00
B	Nghĩa địa của nhân dân	ND	1,17	
A+B	Tổng diện tích quy hoạch		197,36	

b) Bảng chỉ tiêu cho từng lô đất (*Biểu tổng hợp kèm theo thuyết minh đồ án*)

4. Quy hoạch kiến trúc cảnh quan

- Khu nhà máy, xí nghiệp (diện tích 107,19ha, chiếm 54,64% tổng diện tích KCN: Không gian kiến trúc toàn KCN được tổ chức thành các trục tuyến chính - phụ theo mạng giao thông phân cấp hạng các tuyến đường. Không gian kiến trúc của từng tuyến, trục và khu có các giải pháp riêng phù hợp với tính chất và hướng nhìn.

+ Các lô đất xây dựng nhà máy công nghiệp được bố trí trên cơ sở mạng lưới giao thông đã được xác định. Các lô đất được quy hoạch linh hoạt nhằm đảm bảo cho việc chia ra hoặc ghép lại để phù hợp với yêu cầu của từng loại hình công nghiệp hoặc quy mô, dây chuyền công nghệ của các doanh nghiệp.

Tầng cao tối đa 5 tầng, mật độ xây dựng 70%. Trong mỗi nhà máy phải đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu 20% theo quy định.

+ Bố trí quỹ đất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, các doanh nghiệp thuộc diện ưu tiên, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật tại lô đất CN.3, CN.9 với diện tích khoảng 5,12ha.

- Khu điều hành, quản lý, công cộng - dịch vụ (diện tích khoảng 18,87ha, chiếm 9,62%: Bố trí tại các lô đất (DV.01, DV.2, DV.3) nằm trên trục chính của KCN; được xây dựng theo hình thức tập trung, bao gồm các khu chức năng sau: Khu quản lý điều hành, trưng bày giới thiệu sản phẩm; khu nhà văn phòng cho thuê, ngân hàng, bưu điện, thương mại dịch vụ; trạm y tế, an ninh, phòng cháy chữa cháy; cơ sở lưu trú, công trình văn hóa - thể thao, logistic. Tầng cao tối đa 9 tầng, mật độ xây dựng 50%.

- Khu vực hạ tầng kỹ thuật: (diện tích khoảng 3,87 ha, chiếm 1,97% tổng diện tích KCN): Bố trí xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung và tập kết rác trung chuyển, trạm cấp nước sạch tại lô HTKT1; bố trí quỹ đất xây dựng Trạm điện 110KV tại lô đất HTKT3. Tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%. Bố trí dải cây xanh cách ly tại lô đất HTKT2 (có xây dựng trạm xử lý nước thải) theo quy định.

- Khu cây xanh, mặt nước: (diện tích khoảng 26,41ha, chiếm 13,46% diện tích khu công nghiệp):

+ Các khu vực cây xanh cảnh quan nằm đan xen trong KCN với tổng diện tích khoảng 20,72 ha chiếm 10,56%. Các khu vực kênh mương hoàn trả tưới tiêu nằm trong ranh giới với tổng diện tích khoảng 5,69ha chiếm 2,9%. Đất cây xanh tập trung được bố trí tại khu vực trung tâm KCN và tại vị trí tiếp giáp khu kỹ thuật để tạo cảnh quan đẹp, làm cho môi trường KCN thêm xanh và giảm thiểu sự ô nhiễm, mở ra các vùng không gian đệm với không gian ngoài hàng rào và mang cả chức năng hành lang an toàn hạ tầng kỹ thuật. Tầng cao tối đa 1 tầng, mật độ xây dựng tối đa 5%;

+ Mặt nước trong phạm vi KCN có tổng diện tích khoảng 5,69ha, chiếm 2,9% tổng diện tích, chủ yếu là mặt nước kênh tiêu thoát nước.

+ Đất xây xanh thể thao (diện tích khoảng 1,08ha) gồm các khu vực cây xanh trong các khu thể thao, cây xanh công viên kết hợp với khu chức năng khác. Tầng cao tối đa 1 tầng, mật độ xây dựng tối đa 5%;

- Hệ thống giao thông và bãi đỗ xe (diện tích khoảng 39,85ha, chiếm 17,97% tổng diện tích KCN).

+ Các đường trục chính của KCN cũng chính là các đường giao thông đối ngoại theo các quy hoạch vùng và hệ thống đường gom dọc theo các tuyến đường này tạo thành mạng lưới giao thông của KCN.

+ Hệ thống giao thông với các nút giao thông có bán kính quay đảm bảo

tiêu chuẩn, thuận lợi cho các phương tiện lưu thông có kích thước lớn vận chuyển hàng hóa, sử dụng hiệu quả.

+ Khu vực bãi đỗ xe tập trung: Bố trí 05 bãi đỗ xe trên trục giao thông chính. Tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

+ Chỉ giới đường đỏ trùng với mép lộ giới;

+ Chỉ giới xây dựng phần tiếp giáp với đường giao thông cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 6,0m;

+ Chỉ giới xây dựng phần không tiếp giáp với đường giao thông cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 3,5m.

- Khu vực nghĩa trang (diện tích khoảng 1,17ha): Khu nghĩa trang hiện trạng, định hướng quy hoạch sẽ giữ khu nghĩa trang này và tiến hành mở rộng, chỉnh trang xây dựng khuôn viên, dải cây xanh xung quanh để đảm bảo cách lý và tạo cảnh quan, môi trường.

5. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

5.1. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Mặt cắt (1-1): rộng 75,0m; trong đó lòng đường chính $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$; dải phân cách giữa 6,0m; hè đường chính $2 \times 7,5\text{m} = 15\text{m}$; lòng đường gom 2 bên $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$; hè đường gom 2 bên $2 \times 6,0\text{m} = 12\text{m}$.

+ Mặt cắt (2-2) rộng 51,0m; trong đó lòng đường $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$; vỉa hè 2 bên $2 \times 9,0\text{m} = 18\text{m}$; cây xanh mặt nước rộng 12m;

- Đường giao thông KCN:

+ Mặt cắt (3-3) rộng 27,0m; trong đó: lòng đường 15m; hè đường 2 bên $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$.

+ Mặt cắt (4-4) rộng 45,0m; trong đó: lòng đường 15m; hè đường 2 bên $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$. Bề rộng dải cây xanh, mặt nước 18m.

+ Mặt cắt (5-5) rộng 50,0m; trong đó: lòng đường 15m; hè đường 2 bên $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$. Bề rộng dải cây xanh, mặt nước 23m.

+ Mặt cắt (6-6) rộng 62,0m; trong đó: lòng đường 13m; hè đường 2 bên $20 + 6,0\text{m} = 26,0\text{m}$. Bề rộng dải cây xanh, mặt nước 23m.

- Bãi đỗ xe: Bố trí 05 Bãi đỗ xe ở hai khu vực Bắc – Nam của khu công nghiệp. Bãi đỗ xe sẽ đáp ứng nhu cầu dừng, chờ của các loại xe: xe container, xe đưa đón công nhân và các xe bốc dỡ hàng hóa,...; Tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%.

5.2. San nền:

Cao độ san nền phù hợp với cao độ hiện trạng khu vực xung quanh và quy hoạch chung xây dựng được duyệt, cao độ san nền thấp nhất là +5,90m, cao độ

cao nhất là +7.60m.

5.3 Thoát nước:

a) Hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa của khu vực lập quy hoạch là hệ thống thoát riêng, được phân chia thành các lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực A và lưu vực B: thoát nước khu vực phía Bắc đường vành đai thành phố Bắc Giang, nước mưa khu vực quy hoạch được thoát vào hệ thống đường ống BTCT D600-D800-D1000 đi dưới vỉa hè các đường giao thông nội bộ sau đó xả vào mương tiêu nước xung quanh ranh giới KCN theo hướng gần nhất, đảm bảo tiêu thoát nước nhanh nhất.

+ Lưu vực C và lưu vực D: thoát nước khu vực phía Nam đường vành đai thành phố Bắc Giang, nước mưa khu vực quy hoạch được thoát vào hệ thống đường ống BTCT D600-D800-D1000-D1500 đi dưới vỉa hè các đường giao thông nội bộ sau đó xả vào mương tiêu nước xung quanh ranh giới KCN theo hướng gần nhất, đảm bảo tiêu thoát nước nhanh nhất.

- Công thoát nước mưa theo nguyên tắc tự chảy, bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa (Ga thu, ga thăm, cống tròn BTCT...) thu nước mưa từ các lô đất, sau đó thoát ra các tuyến cống chính đổ về nguồn xả theo lưu vực của dự án.

- Sử dụng hệ thống cống tròn BTCT kết hợp cống hộp BTCT để đảm bảo thoát nước cho toàn bộ dự án.

b) Hệ thống thoát nước thải và VSMT:

- Thoát nước thải

+ Nước thải trong các lô đất công nghiệp được xử lý cục bộ tại chỗ trước khi thu về Trạm xử lý nước thải của KCN, công suất khoảng 7.500m³/ngày được bố trí tại lô đất HTKT-2. Nước thải sau khi xử lý của KCN phải đạt giới hạn cột A theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thoát ra hệ thống kênh tiêu của khu vực.

+ Mạng lưới đường ống thoát nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa; đường ống thoát nước thải đi ngầm dưới vỉa hè, độ dốc tuyến ống tối thiểu $i_{min} = 1/D$; giếng thăm, hố thu nước thải dùng kết cấu bê tông cốt thép, nắp đậy bằng Composite.

- Vệ sinh môi trường: Chất thải của khu công nghiệp được phân loại, tập kết đúng nơi quy định. Sau đó, ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực mang đi xử lý đúng quy trình, quy phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

5.4. Cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước cho KCN khoảng 8.000m³/ngày, xây dựng trạm cấp nước được đặt tại khu đất HTKT-01, phục vụ cấp nước KCN và cấp nước

PCCC hoặc sử dụng trạm bơm tăng áp trong trường hợp có sẵn nguồn cấp từ nhà máy nước sạch trên địa bàn.

- Nước cho nhu cầu tưới cây, rửa đường sẽ sử dụng nguồn nước sẵn có từ các kênh thoát nước, cảnh quan xung quanh KCN hoặc sử dụng nguồn nước sau xử lý để phục vụ các nhu cầu trên.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế đảm bảo cấp nước cho toàn bộ dự án; đường ống chính được thiết kế dạng mạng vòng kết hợp mạng nhánh, đảm bảo cấp nước liên tục, an toàn, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước cho các đối tượng và phù hợp với khu vực thiết kế.

- Đường ống đặt dưới vỉa hè, đoạn ống đi dưới lòng đường phải có ống lồng bảo vệ ống cấp nước, đảm bảo theo các tiêu chuẩn quy định kỹ thuật hiện hành.

- Hệ thống cung cấp nước chữa cháy được thiết kế theo nguyên tắc hệ thống cung cấp nước áp lực thấp. Khi có cháy, xe chữa cháy lấy nước tại các trụ nước chữa cháy được bố trí trên các đường ống cấp dọc theo các tuyến đường để thuận tiện cho xe vào lấy nước chữa cháy, khoảng cách giữa các trụ nước chữa cháy không quá 120m.

5.5. Cấp điện:

- Tổng nhu cầu cấp điện của Khu công nghiệp khoảng 60 MVA.

- Nguồn cấp điện:

- + Nguồn điện ngắn hạn: Dự kiến lấy từ xuất tuyến đường điện trung thế hiện có tại khu vực đang cấp điện cho khu vực xã Mỹ Thái, xã Xuân Hương.

- + Nguồn điện dài hạn: Sử dụng trạm biến áp 110kV, công suất 2x63MVA tại khu đất HTKT.3.

- + Ngoài nguồn điện được lấy từ trạm điện 110kV sẽ được bổ sung thêm nguồn điện từ điện mặt trời (NLMT) với công suất dự kiến khoảng 45MVA.

- + Lưới điện 110kV: Nguồn điện 110kV dự kiến lấy từ đường dây 110kV gần khu vực dự án đến.

- Lưới điện trung thế 22kV: Lưới điện trung thế 22kV và hạ thế nội bộ trong KCN được đi ngầm dọc theo vỉa hè giao thông KCN. Việc xây dựng sẽ theo phân kỳ đầu tư cho dự án và sẽ do ngành điện lên phương án cụ thể.

- Chiếu sáng: xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo mỹ quan toàn khu, sử dụng đèn chiếu sáng LED tiết kiệm điện.

5.6. *Thông tin liên lạc*: Quy hoạch các vị trí đặt trạm BTS đa năng thân thiện môi trường đảm bảo bán kính phục vụ cho khu công nghiệp. Vị trí đặt ở khu vực cây xanh, công cộng của đồ án. Xây dựng hệ thống cống, bể cấp ngầm phục vụ các doanh nghiệp viễn thông, internet kéo cáp đến các lô đất công nghiệp để sử dụng dễ dàng, thuận lợi.

5.7. *Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường*: Đồ án đã đánh giá môi trường

chiến lược theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu tác động ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực.

5.8. *Vị trí đường dây, đường ống kỹ thuật*: Hệ thống thông tin liên lạc, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và nước mưa trên các trục đường đều bố trí trên phần đất hè đường và hành lang hạ tầng kỹ thuật.

6. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng

- Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện và khu xử lý nước thải...

- Công trình: Khu hành chính – dịch vụ, nhà xưởng sản xuất, khuôn viên cây xanh mặt nước, bãi đỗ xe...

7. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Có quy định quản lý quy hoạch kèm theo hồ sơ quy hoạch.

Điều 2. Sở Xây dựng, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh